

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 46

7.0

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST theo Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch	
Ông Lê Đức Long	Thành viên	
Ông Lars Kjaer	Thành viên	
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022
Ông Kim Hongjin	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022
Ông Seon Han Bae	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Loan	Trưởng Ban Kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên	
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022
Bà Phạm Thị Kiều Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Anh Quốc	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 6 tháng 3 năm 2023
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Anh Quốc, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC


Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đề ngày 24 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con. 

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:




Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 11872026/66775123

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phùng Mạnh Phú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2023-004-1

Lê Hồng Vân
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4432-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		186.218.586.258	189.658.648.839
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	20.158.378.184	2.458.678.123
111	1. Tiền		20.152.124.025	2.451.830.478
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.254.159	6.847.645
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	70.800.000.000	100.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		70.800.000.000	100.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		86.178.597.588	82.223.271.436
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	18.401.903.168	18.414.671.421
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	3.061.511.000	5.736.192.170
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	51.277.848.500	35.006.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	13.437.334.920	23.066.407.845
140	IV. Hàng tồn kho	10	6.935.415.372	3.644.781.788
141	1. Hàng tồn kho		6.935.415.372	3.644.781.788
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.146.195.114	1.331.917.492
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	957.739.712	242.322.639
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	15	1.188.118.402	1.021.737.853
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	15	337.000	67.857.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		372.641.674.083	339.772.150.904
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.435.658.341	629.875.341
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	1.435.658.341	629.875.341
220	II. Tài sản cố định		25.641.691.524	32.170.692.038
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	25.606.891.524	32.101.092.038
222	Nguyên giá		78.551.831.215	74.198.947.581
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(52.944.939.691)	(42.097.855.543)
227	2. Tài sản cố định vô hình		34.800.000	69.600.000
228	Nguyên giá		492.742.000	492.742.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(457.942.000)	(423.142.000)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	13	344.795.138.056	305.734.253.356
251	1. Đầu tư vào công ty con		237.389.997.356	206.399.997.356
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		96.000.000.000	88.000.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.405.140.700	6.405.140.700
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(1.070.884.700)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.000.000.000	6.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		769.186.162	1.237.330.169
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	769.186.162	1.237.330.169
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		558.860.260.341	529.430.799.743

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		40.829.703.579	44.364.596.712
310	I. Nợ ngắn hạn		40.829.703.579	44.364.596.712
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	17.852.722.398	14.782.604.673
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	1.688.871.795	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.639.304.115	518.009.760
314	4. Phải trả người lao động		8.542.148.968	4.232.266.437
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	540.594.872	151.004.259
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.014.539.867	2.360.078.874
320	7. Vay ngắn hạn	18	5.882.456.175	21.656.620.392
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	1.669.065.389	664.012.317
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		518.030.556.762	485.066.203.031
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	518.030.556.762	485.066.203.031
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		450.000.000.000	450.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		450.000.000.000	450.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		68.030.556.762	35.066.203.031
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		34.985.219.578	47.979.899.954
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ) năm nay		33.045.337.184	(12.913.696.923)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		558.860.260.341	529.430.799.743

Trần Văn Hưng
Người lập

Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng

Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	219.828.069.537	70.621.498.474
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	(617.000.000)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	219.828.069.537	70.004.498.474
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(95.633.779.942)	(33.778.426.343)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.194.289.595	36.226.072.131
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	6.559.197.836	10.879.085.241
22	7. Chi phí tài chính	23	213.708.969	(1.119.625.520)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(801.219.986)	(969.755.851)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(58.923.674.418)	(34.551.855.100)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(33.233.735.153)	(21.996.477.294)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		38.809.786.829	(10.562.800.542)
31	11. Thu nhập khác		225.772.169	64.603.912
32	12. Chi phí khác		(97.697.691)	(2.207.500.293)
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		128.074.478	(2.142.896.381)
50	14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		38.937.861.307	(12.705.696.923)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	(4.722.471.051)	-
60	16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		34.215.390.256	(12.705.696.923)

Trần Văn Hưng
Người lập

Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng



Le Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế		38.937.861.307	(12.705.696.923)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (Hoàn nhập dự phòng)/các khoản dự phòng		12.249.648.507	11.712.920.556
03	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.070.884.700)	146.144.000
04	Lãi từ hoạt động đầu tư		19.131.135	2.040.717
05	Chi phí lãi vay		(6.643.627.649)	(10.928.797.325)
06			801.219.986	969.755.851
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		44.293.348.586	(10.803.633.124)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho		11.704.129.902	(17.226.205.601)
10	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(3.290.633.584)	1.887.614.680
11	Tiền lãi vay đã trả		9.833.499.426	(6.091.769.882)
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(247.273.066)	2.733.419.920
14			(854.756.615)	(804.556.042)
15	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(3.349.199.289)	(760.157.572)
17			(165.000.000)	(208.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		57.924.115.360	(31.273.287.621)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(6.221.218.180)	(8.595.307.511)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		485.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(42.800.000.000)	(129.916.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		56.728.151.500	140.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(38.990.000.000)	(8.500.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.366.946.733	14.198.816.813
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(24.431.119.947)	7.187.509.302

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		31.458.944.193	53.162.173.207
34	Tiền trả nợ gốc vay		(47.233.108.410)	(48.407.023.245)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(15.774.164.217)	4.755.149.962
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		17.718.831.196	(19.330.628.357)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.458.678.123	21.791.347.197
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(19.131.135)	(2.040.717)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	20.158.378.184	2.458.678.123

Trần Văn Hưng
Người lập

Đào Ngọc Thiết
Kế toán trưởng



Lê Anh Quốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107007230 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 28 tháng 9 năm 2015 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 4 năm 2022.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là AST theo Quyết định Niêm yết số 485/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không bao gồm:

- ▶ nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ bán lẻ tại các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- ▶ đại lý du lịch, điều hành tour du lịch, lưu trú ngắn ngày;
- ▶ vận tải hành khách đường bộ;
- ▶ dịch vụ quảng cáo;
- ▶ hoạt động viễn thông bán lẻ; và
- ▶ các dịch vụ phụ trợ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà N02-T1, Khu Đoàn Ngoại giao, Đường Xuân Tảo, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 346 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 262 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 7 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 6 công ty con), bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng (“Công ty Taseco Đà Nẵng”)	99,9%	99,9%	Số 99 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Bán lẻ hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cung cấp dịch vụ ăn uống tại các nhà hàng, dịch vụ vận tải hành khách và các dịch vụ liên quan.
2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn (“Công ty Taseco Sài Gòn”)	65%	65%	Số 28/1/21 Huỳnh Lan Khanh, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 7 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 6 công ty con), bao gồm (tiếp theo):

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
3	Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng (“Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng”)	100%	100%	Số 200 Võ Nguyên Giáp, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	Quản lý khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống, vận tải hành khách đường bộ và các dịch vụ liên quan và các hoạt động khác.
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco (“Công ty Taseco Media”)	99,9%	99,9%	Tầng 1 tòa N02-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, Phố Đỗ Nhuận, Phường Xuân Tảo, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Dịch vụ quảng cáo, viễn thông, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ ăn uống.
5	Công Ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco (“Công ty Jalux Taseco”)	51%	51%	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Kinh doanh bán hàng miễn thuế, các dịch vụ phụ trợ khác.
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Phú Quốc (“Công ty Taseco Phú Quốc”)	65%	65%	Tổ 5, Ấp Suối Mây, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm; dịch vụ đón tiễn; đại lý du lịch và điều hành tua du lịch; đại lý thu đổi ngoại tệ; dịch vụ quảng cáo.
7	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh (“Công ty Hà Linh”)	51%	51%	Tầng 3, Nhà ga T1, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ; dịch vụ bán hàng và các sản phẩm lưu niệm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vào ngày 24 tháng 3 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với giá trị được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	5 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

(*) Một số nhà cửa, vật kiến trúc nhận góp vốn từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco được ghi nhận và trích khấu hao theo thời gian khấu hao còn lại từ 3 đến 5 năm.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế của mỗi hợp đồng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và cung cấp các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

Mua công ty con

Theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 6 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco, công ty mẹ của Công ty. Vào ngày 1 tháng 7 năm 2022, Công ty đã nhận chuyển nhượng 1.020.000 cổ phần, tương đương với tỷ lệ sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco với tổng giá phí chuyển nhượng là 24.990.000.000 VND. Theo đó, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh trở thành công ty con của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2022.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.964.648.078	1.017.536.838
Tiền gửi ngân hàng	18.187.475.947	1.434.293.640
Các khoản tương đương tiền (*)	6.254.159	6.847.645
TỔNG CỘNG	<u>20.158.378.184</u>	<u>2.458.678.123</u>

(*) Các khoản tương đương tiền cuối năm là khoản tiền gửi không kỳ hạn tại một công ty chứng khoán.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi ngân hàng (*)	70.800.000.000	100.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>70.800.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

(*) Số cuối năm là khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,4% đến 6,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: có kỳ hạn gốc là 12 tháng và hưởng lãi suất 5,1%/năm).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Hà Xanh	7.964.202.777	5.566.602.777
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.659.774.667	9.078.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.246.187.541	1.925.199.612
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	3.531.738.183	1.844.869.032
TỔNG CỘNG	<u>18.401.903.168</u>	<u>18.414.671.421</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài - CN Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	2.362.935.891	4.476.839.154
Công ty TNHH du lịch và sự kiện Goto	400.000.000	-
Trả trước cho người bán khác	298.575.109	1.259.353.016
TỔNG CỘNG	3.061.511.000	5.736.192.170

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	51.277.848.500	35.006.000.000
TỔNG CỘNG	51.277.848.500	35.006.000.000

Chi tiết các khoản cho vay như sau:

Bên đi vay	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo
Công ty Taseco Đà Nẵng	39.944.000.000	Lãi và gốc trả khi đáo hạn đến ngày 14 tháng 12 năm 2023	8%	Tín chấp
Công ty Taseco Sài Gòn	7.333.848.500	Lãi và gốc trả khi đáo hạn đến ngày 19 tháng 11 năm 2023	8%	Tín chấp
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	4.000.000.000	Lãi và gốc trả khi đáo hạn đến ngày 28 tháng 10 năm 2023	8,5%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	51.277.848.500			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	6.188.055.620	16.491.426.679
Dự thu lãi tiền gửi, trái phiếu ngân hàng	2.896.193.131	4.443.587.132
Phải thu ngắn hạn khác	674.094.035	240.070.104
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	3.678.992.134	1.891.323.930
TỔNG CỘNG	<u>13.437.334.920</u>	<u>23.066.407.845</u>
Dài hạn		
Đặt cọc thuê mặt bằng, mua hàng hóa	1.435.658.341	629.875.341
TỔNG CỘNG	<u>1.435.658.341</u>	<u>629.875.341</u>

10. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng hóa, nguyên vật liệu	6.742.633.862	-	3.409.000.577	-
Công cụ, dụng cụ	192.781.510	-	235.781.211	-
TỔNG CỘNG	<u>6.935.415.372</u>	<u>-</u>	<u>3.644.781.788</u>	<u>-</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	248.138.343	47.530.391
Chi phí đồng phục nhân viên	267.302.369	-
Chi phí bảo hiểm tài sản	115.173.994	66.998.886
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	327.125.006	127.793.362
TỔNG CỘNG	<u>957.739.712</u>	<u>242.322.639</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	372.434.403	685.574.758
Chi phí sửa chữa	123.223.047	114.801.474
Phí phát hành bảo lãnh	249.056.404	369.991.192
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.472.308	66.962.745
TỔNG CỘNG	<u>769.186.162</u>	<u>1.237.330.169</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	48.736.082.494	4.295.354.358	19.961.334.547	1.206.176.182	74.198.947.581
- Mua trong năm	-	-	6.116.672.725	104.545.455	6.221.218.180
- Thanh lý, nhượng bán	-	(35.909.091)	(1.832.425.455)	-	(1.868.334.546)
Số cuối năm	48.736.082.494	4.259.445.267	24.245.581.817	1.310.721.637	78.551.831.215
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	7.264.999.337	3.588.063.027	-	297.038.000	11.150.100.364
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	25.981.601.835	3.706.737.449	11.449.415.294	960.100.965	42.097.855.543
- Khấu hao trong năm	8.889.605.260	472.675.987	2.634.249.028	218.318.232	12.214.848.507
- Thanh lý, nhượng bán	-	(35.909.091)	(1.331.855.268)	-	(1.367.764.359)
Số cuối năm	34.871.207.095	4.143.504.345	12.751.809.054	1.178.419.197	52.944.939.691
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	22.754.480.659	588.616.909	8.511.919.253	246.075.217	32.101.092.038
Số cuối năm	13.864.875.399	115.940.922	11.493.772.763	132.302.440	25.606.891.524

Một số phương tiện vận tải của Công ty với tổng giá trị còn lại là 4,5 tỷ VND đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Đầu tư vào công ty con	237.389.997.356	-	206.399.997.356	-	
Đầu tư vào công ty liên kết	96.000.000.000	-	88.000.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.405.140.700	-	6.405.140.700	(1.070.884.700)	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.000.000.000	-	6.000.000.000	-	
TỔNG CỘNG	344.795.138.056	-	306.805.138.056	(1.070.884.700)	

13.1 Đầu tư vào công ty con

Tỷ lệ vốn nắm giữ/Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
99,9%	19.980.000.000	-	19.980.000.000	-	(*)
100%	105.000.000.000	-	105.000.000.000	-	(*)
65%	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	(*)
99,9%	444.427.614	-	444.427.614	-	(*)
51%	73.975.569.742	-	73.975.569.742	-	(*)
65%	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-	(*)
51%	24.990.000.000	-	-	-	(*)
TỔNG CỘNG	237.389.997.356	-	206.399.997.356	-	

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty con này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(**) Theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 11 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc triển khai góp vốn thành lập Công ty Taseco Phú Quốc với số vốn góp dự kiến là 6,5 tỷ VND, tương ứng với 65% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết vào công ty con này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

(***) Theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐQT ngày 1 tháng 6 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh. Vào ngày 1 tháng 7 năm 2022, Công ty đã hoàn tất các thủ tục để nhận chuyển nhượng 1.020.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco với giá phi chuyển nhượng là 24.990.000.000 VND.

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND			
			Giá gốc (VND)	Dự phòng	Giá gốc (VND)	Dự phòng				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam ("Công ty VinaCS") (**)	Cảng hàng không quốc tế Nội Bài - Xã Phú Minh - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội	Sản xuất món ăn, thực ăn chế biến sẵn, dịch vụ ăn uống cho khách hàng trong và ngoài ngành hàng không và các dịch vụ phụ trợ khác.	96.000.000.000	-	88.000.000.000	-	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	26,67% (*)	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	26,67% (*)
TỔNG CỘNG			96.000.000.000	-	88.000.000.000	-				

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của công ty liên kết này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(**) Theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2021, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc thực hiện góp vốn mua cổ phần phát hành thêm để tăng vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco với tổng số cổ phần dự kiến mua là 1.600.000 cổ phần, tương đương số vốn góp là 16 tỷ VND. Việc góp vốn này được thực hiện trong năm 2021 và năm 2022, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, việc góp vốn này đã được hoàn tất.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	6.405.140.700	-	6.759.160.000	6.405.140.700	(1.070.884.700)	5.334.256.000
TỔNG CỘNG	6.405.140.700	-	6.759.160.000	6.405.140.700	(1.070.884.700)	5.334.256.000

(*) Đây là khoản đầu tư góp vốn vào một công ty kinh doanh các dịch vụ liên quan trong cảng hàng không. Công ty này đang niêm yết trên thị trường chứng khoán và giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chi tiết khoản dự phòng cho khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.070.884.700	924.740.700
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	146.144.000
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.070.884.700)	-
Số cuối năm	-	1.070.884.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư trái phiếu (*)	5.000.000.000	5.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
TỔNG CỘNG	5.000.000.000	5.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000

(*) Đây là khoản đầu tư vào 500 trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank"), kỳ hạn 10 năm, lãi nhận theo kỳ một năm kể từ thời điểm mua trái phiếu. Lãi suất trái phiếu bằng lãi suất tham chiếu cộng 0,8% - 1,2%/năm, đáo hạn vào tháng 6 năm 2028. Lãi suất tham chiếu là lãi suất thả nổi của Vietinbank, có điều chỉnh định kỳ.

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Nội	1.152.754.300	1.152.754.300	845.519.010	845.519.010
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vân Đồn – Chi nhánh Cảng Hàng không Quốc Tế Vân Đồn	1.120.840.923	1.120.840.923	887.066.514	887.066.514
Phải trả đối tượng khác	8.302.857.754	8.302.857.754	2.990.360.757	2.990.360.757
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	7.276.269.421	7.276.269.421	10.059.658.392	10.059.658.392
TỔNG CỘNG	17.852.722.398	17.852.722.398	14.782.604.673	14.782.604.673

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân Đội	1.688.871.795	-
TỔNG CỘNG	1.688.871.795	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.771.670.340	(3.349.199.289)	1.422.471.051
Thuế thu nhập cá nhân	-	551.128.738	(277.382.738)	273.746.000
Thuế giá trị gia tăng	518.009.760	10.691.370.924	(9.266.293.620)	1.943.087.064
Các loại thuế khác	-	52.236.480	(52.236.480)	-
TỔNG CỘNG	518.009.760	16.066.406.482	(12.945.112.127)	3.639.304.115
	Số đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã cần trừ trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	1.021.737.853	279.865.472	(113.484.923)	1.188.118.402
Thuế thu nhập cá nhân	67.857.000	11.042.700	(78.562.700)	337.000
TỔNG CỘNG	1.089.594.853	290.908.172	(192.047.623)	1.188.455.402

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê kho, mặt bằng quầy hàng	354.967.459	-
Chi phí dịch vụ	180.555.555	136.363.636
Các khoản khác	5.071.858	14.640.623
TỔNG CỘNG	540.594.872	151.004.259

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký quỹ	215.000.000	125.000.000
Bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn	173.174.019	1.399.617.726
Các khoản phải trả khác	626.365.848	592.152.936
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	243.308.212
TỔNG CỘNG	1.014.539.867	2.360.078.874

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGÂN HẠN

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngân hàng	12.356.620.392	12.356.620.392	27.446.944.193	(36.733.108.410)	3.070.456.175	3.070.456.175	
Vay đối tượng khác	-	-	2.812.000.000	-	2.812.000.000	2.812.000.000	
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	9.300.000.000	9.300.000.000	1.200.000.000	(10.500.000.000)	-	-	
TỔNG CỘNG	21.656.620.392	21.656.620.392	31.458.944.193	(47.233.108.410)	5.882.456.175	5.882.456.175	

18.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sở giao dịch 1	3.070.456.175	Khoản gốc vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng.	8,3%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	3.070.456.175			

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

18.2 Vay ngắn hạn đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Toyota Việt Nam	2.812.000.000	Lãi và gốc vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 28 tháng 7 năm 2023.	8,79%	Phương tiện vận tải theo hợp đồng vay số 1000748402;1000748411;1000748372 ngày 27 tháng 7 năm 2022 và hợp đồng vay số 1000748399 ngày 28 tháng 7 năm 2022.
TỔNG CỘNG	<u>2.812.000.000</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	664.012.317	664.012.317
Trích lập quỹ	1.014.053.072	-
Sử dụng quỹ	(9.000.000)	-
Số cuối năm	<u>1.669.065.389</u>	<u>664.012.317</u>

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Vốn cổ phần đã phát hành</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Năm trước			
Số đầu năm	450.000.000.000	47.979.899.954	497.979.899.954
Lỗ thuần trong năm	-	(12.705.696.923)	(12.705.696.923)
Giảm khác	-	(208.000.000)	(208.000.000)
Số cuối năm	<u>450.000.000.000</u>	<u>35.066.203.031</u>	<u>485.066.203.031</u>
Năm nay			
Số đầu năm	450.000.000.000	35.066.203.031	485.066.203.031
Lợi nhuận thuần trong năm	-	34.215.390.256	34.215.390.256
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.014.053.072)	(1.014.053.072)
Giảm khác	-	(236.983.453)	(236.983.453)
Số cuối năm	<u>450.000.000.000</u>	<u>68.030.556.762</u>	<u>518.030.556.762</u>

(*) Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.014.053.072 VND.

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco ("Taseco Group")	229.500.000.000	229.500.000.000	-	229.500.000.000	229.500.000.000	-
Cổ đông khác	220.500.000.000	220.500.000.000	-	220.500.000.000	220.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>450.000.000.000</u>	<u>450.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>450.000.000.000</u>	<u>450.000.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu	450.000.000.000	450.000.000.000
Số đầu năm	450.000.000.000	450.000.000.000
Số cuối năm	450.000.000.000	450.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

20.4 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành	45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	45.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu).

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	219.828.069.537	70.621.498.474
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	66.208.691.149	15.507.234.417
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	153.619.378.388	55.114.264.057
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(617.000.000)
Doanh thu thuần	219.828.069.537	70.004.498.474
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán hàng</i>	66.208.691.149	15.507.234.417
<i>Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ</i>	153.619.378.388	54.497.264.057
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	211.389.869.948	67.663.666.859
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>	8.438.199.589	2.340.831.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU (tiếp theo)

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi cho vay, tiền gửi, trái phiếu	6.559.197.836	7.875.676.963
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.003.408.278
TỔNG CỘNG	<u>6.559.197.836</u>	<u>10.879.085.241</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.384.219.257	7.363.508.768
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	68.249.560.685	26.414.917.575
TỔNG CỘNG	<u>95.633.779.942</u>	<u>33.778.426.343</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.070.884.700)	146.144.000
Chi phí lãi vay	801.219.986	969.755.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá	55.955.745	3.725.669
TỔNG CỘNG	<u>(213.708.969)</u>	<u>1.119.625.520</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	23.716.574.212	13.666.226.787
Chi phí thuê kho, mặt bằng	15.956.143.036	7.431.060.767
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.282.908.152	7.296.664.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.603.138.341	3.387.851.962
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.819.696.703	2.446.016.814
Chi phí bán hàng khác	545.213.974	324.033.989
TỔNG CỘNG	<u>58.923.674.418</u>	<u>34.551.855.100</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	20.171.336.520	15.314.731.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.382.725.898	3.096.244.817
Chi phí thuê kho, mặt bằng	2.681.631.613	1.652.707.480
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	319.057.346	443.727.651
Chi phí khấu hao tài sản cố định	811.028.266	892.014.579
Chi phí quản lý khác	867.955.510	597.050.876
TỔNG CỘNG	<u>33.233.735.153</u>	<u>21.996.477.294</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.953.127.047	21.864.585.421
Chi phí nhân công	52.231.932.075	31.781.084.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.249.648.507	11.095.690.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.091.727.751	15.478.742.192
Chi phí thuê mặt bằng	18.809.374.649	9.161.979.973
Chi phí khác	1.455.379.484	944.675.298
TỔNG CỘNG	<u>187.791.189.513</u>	<u>90.326.758.737</u>

Tổng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố có bao gồm giá vốn hàng thương mại chủ yếu ở các cửa hàng bán lẻ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.722.471.051	-
TỔNG CỘNG	4.722.471.051	-

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	38.937.861.307	(12.705.696.923)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	7.787.572.261	(2.541.139.385)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.826.227	408.143
Chi phí không được trừ khác	19.538.968	20.948.316
Lỗ được kết chuyển	(3.088.466.405)	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(600.681.656)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận của khoản lỗ tính thuế	-	3.120.464.582
Chi phí thuế TNDN	4.722.471.051	-

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại
			ngày 31 tháng 12 năm 2022	chuyển lỗ	ngày 31 tháng 12 năm 2022
2021	2026	15.442.332.027	(15.442.332.027)	-	-
TỔNG CỘNG		15.442.332.027	(15.442.332.027)	-	-

(*) Đây là khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty đã được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Taseco ("Tập đoàn Taseco")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng ("Công ty Taseco Đà Nẵng")	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Sài Gòn ("Công ty Taseco Sài Gòn")	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Taseco Oceanview Đà Nẵng ("Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng")	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Taseco ("Công ty Taseco Media")	Công ty con
Công ty TNHH Hàng Miễn Thuế Jalux Taseco ("Công ty Jalux Taseco")	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Phú Quốc ("Công ty Taseco Phú Quốc")	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hà Linh ("Công ty Hà Linh")	Công ty con
PENM IV Germany GmbH & Co. KG Company	Công ty sở hữu 10% trên vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco ("Công ty Taseco Land")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Bất động sản Hàng không Thăng Long Taseco	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ ("Công ty Phú Mỹ")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Số 4 ("Công ty ICON4")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Sinh thái Quốc tế ("Công ty Du lịch Quốc tế")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Taseco Invest ("Công ty Taseco Invest")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam ("Công ty Bao bì")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty TNHH Alacarte Hạ Long ("Công ty Alacarte Hạ Long")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Yên Bình ("Công ty Yên Bình")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư TAH	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Xây dựng IKCONS ("Công ty IKCONS")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng không AAL	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Bất động sản Tràng An	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Thương mại Hải Hà	Công ty cùng Tập đoàn Taseco
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Công nghệ Việt Nam ("Công ty Taseco Vinconstec")	Công ty cùng Tập đoàn Taseco

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc
Lasr Kjaer	Thành viên Hội đồng Quản trị
Lê Đức Long	Thành viên Hội đồng Quản trị
Đặng Huy Khôi	Thành viên Hội đồng Quản trị
Kim Hongjin	Thành viên Hội đồng Quản trị
Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc
Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng Giám đốc
Trần Thị Loan	Trưởng Ban Kiểm soát
Nguyễn Thị Hường	Thành viên Ban Kiểm soát
Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát
Đào Ngọc Thiết	Kế toán trưởng
Phạm Xuân Tiến	Thành viên Hội đồng Quản trị/Tổng Giám đốc của Công ty Taseco Sài Gòn (Công ty con)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tập đoàn Taseco	Công ty mẹ	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.946.926	571.925.848
		Phải trả tiền chuyển nhượng cổ phần	24.990.000.000	-
		Chuyển tiền chuyển nhượng cổ phần	24.990.000.000	-
		Cho vay	-	13.000.000.000
		Thu hồi gốc vay	-	13.000.000.000
		Lãi cho vay	-	16.819.726
		Vay ngắn hạn	-	4.200.000.000
		Thanh toán gốc vay	1.200.000.000	3.000.000.000
		Chi phí lãi vay	9.945.205	32.104.110
		Phải thu tiền hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19	-	1.198.720.000
		Nhận tiền hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19	276.620.000	1.024.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Cho bên liên quan vay	5.500.000.000	4.500.000.000
		Thu hồi gốc vay	1.500.000.000	16.000.000.000
		Lãi cho vay	78.378.081	415.549.319
		Tiền chuyển lợi nhuận lần 2 năm 2019	-	3.003.408.278
		Mua hàng hóa, dịch vụ	230.046.998	4.658.186
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.443.908	80.930.343
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.735.087.907	707.861.820
		Cho vay	26.000.000.000	17.854.000.000
		Thu hồi gốc vay	10.000.000.000	-
		Lãi cho vay	1.849.501.715	762.305.287
Công ty Taseco Media	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	10.961.823.718	7.394.679.636
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	779.231.042	16.098.091
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.112.770	1.230.100.869
		Mua hàng hóa, dịch vụ	626.320.780	456.457.791
		Cho vay	-	7.062.000.000
		Thu hồi tiền cho vay	3.728.151.500	-
Công ty Jalux Taseco	Công ty con	Lãi cho vay	461.474.676	344.323.266
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	218.183.815	145.115.591
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Góp vốn	6.000.000.000	500.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.120.118.473	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ	667.397.118	-
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Cho vay	32.000.000.000	21.000.000.000
		Thu hồi gốc vay	32.000.000.000	27.500.000.000
		Lãi cho vay	152.547.944	88.860.000
		Đi vay	1.200.000.000	5.100.000.000
		Thanh toán gốc vay	5.500.000.000	800.000.000
		Chi phí lãi vay	17.630.137	21.673.973
		Chuyển tiền góp vốn	8.000.000.000	8.000.000.000
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.265.727	23.372.364
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.067.115.450	131.247.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Phú Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Đi vay	-	5.500.000.000
		Thanh toán gốc vay	2.500.000.000	3.000.000.000
		Lãi vay phải trả	38.801.369	121.904.109
Công ty Taseco Land	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	331.613.760	117.792.528
		Thanh lý tài sản cố định	485.000.000	600.000.000
		Đi vay	-	2.000.000.000
		Thanh toán gốc vay	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Chi phí lãi vay	-	9.424.658
		Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	136.826.608	35.083.745
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	72.896.466	12.727.272
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.823.325	2.220.498
		Mua hàng hóa, dịch vụ	54.848.184	94.259.937
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	330.480.071	104.919.011
		Mua hàng hóa, dịch vụ	40.000.000	48.000.000
Công ty Hà Linh	Công ty con	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.069.961.885	-
		Mua hàng hóa, dịch vụ	641.498.635	-
Công ty IKCONS	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.859.259	-
Công ty Alacarte Hạ Long	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11.851.852	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng không AAL	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.060.646	-
Bà Trần Thị Loan	Trưởng ban kiểm soát	Thanh toán gốc vay	1.300.000.000	-
Các bên liên quan khác	Bên liên quan khác	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.523.056	545.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng, cung cấp dịch vụ và mua hàng, sử dụng dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo hợp đồng và thỏa thuận giữa các bên.

Ngoài các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn được trình bày tại Thuyết minh số 8 và các khoản vay ngắn hạn các bên liên quan trình bày tại Thuyết minh số 18, số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (năm 2021: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan và thị trường mà các bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i>				
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.997.386	351.859.666
Tập đoàn Taseco	Công ty mẹ	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.713.244	80.079.000
Công ty Taseco Land	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.060.550	26.649.771
		Phải thu thanh lý sản phẩm cố định	-	660.000.000
Công ty Jalux Taseco	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	92.781.818
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.950.000	6.447.271
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.900.000	-
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.665.992	627.051.506
Công ty Cổ Phần Quản Lý Bất Động Sản Quốc Tế	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.400.000	-
Công ty Taseco Phú Quốc	Công ty con	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.180.075	-
Công ty Hà Linh	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.177.700.936	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Hàng không	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.600.000	-
Công ty TNHH Alacarte Hạ Long	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.200.000	-
Các bên liên quan khác	Bên liên quan khác	Phải thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.370.000	-
			3.531.738.183	1.844.869.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

					<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>		
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</i>						
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Cho vay	39.944.000.000	23.944.000.000		
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Cho vay	7.333.848.500	11.062.000.000		
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Cho vay	4.000.000.000	-		
			51.277.848.500	35.006.000.000		
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)</i>						
Công ty Taseco Media	Công ty con	Phải thu kinh phí công đoàn	35.769.000	-		
Tập đoàn Taseco	Công ty mẹ	Phải thu tiền hỗ trợ cán bộ nhân viên	-	200.120.000		
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Lãi cho vay	2.622.612.893	773.111.178		
		Phải thu tiền chi hộ	4.664.000	4.664.000		
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Lãi cho vay	752.345.730	344.706.828		
Công ty Taseco Oceanview Đà Nẵng	Công ty con	Lãi cho vay	55.890.411	568.721.924		
Công ty Hà Linh	Công ty con	Phải thu kinh phí công đoàn chi hộ	207.710.100	-		
			3.678.992.134	1.891.323.930		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)				
Công ty Taseco Đà Nẵng	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.437.032.546	273.850.259
Công ty Taseco Media	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	5.006.945.614	9.464.542.882
Công ty Taseco Sài Gòn	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	742.180.247	198.670.247
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	62.215.636
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	90.111.014	60.379.368
			7.276.269.421	10.059.658.392
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Tập đoàn Taseco	Công ty mẹ	Phải trả lãi vay	-	13.200.000
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Phải trả lãi vay	-	21.673.973
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Phải trả lãi vay	-	121.904.109
Bà Trần Thị Loan	Trưởng Ban Kiểm soát	Phải trả lãi vay	-	5.698.630
Công ty Taseco Media	Công ty con	Các khoản thu hộ tiền bán hàng	-	80.831.500
			-	243.308.212
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18)				
Công ty VinaCS	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	-	4.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn Taseco	Vay ngắn hạn	-	2.500.000.000
Bà Trần Thị Loan	Trưởng Ban Kiểm soát	Vay ngắn hạn	-	1.300.000.000
Taseco Group	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	-	1.200.000.000
			-	9.300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Nghệp vụ với các bên liên quan khác

Thu nhập (bao gồm tiền lương, thưởng và thù lao) của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong năm như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	30.000.000	40.000.000
Ông Lê Anh Quốc	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc	765.207.000	679.308.000
Ông Lars Kjaer	Thành viên HĐQT	30.000.000	40.000.000
Ông Đào Tiến Dương (*)	Thành viên HĐQT	-	40.000.000
Ông Lê Đức Long	Thành viên HĐQT	30.000.000	40.000.000
Ông Đặng Huy Khôi	Thành viên HĐQT	30.000.000	-
Ông Vũ Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	701.895.000	522.980.000
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	528.943.000	466.321.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	660.527.000	574.192.000
Ông Nguyễn Xuân Bằng	Phó Tổng Giám đốc	659.443.000	575.055.000
Bà Trần Thị Loan	Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	40.000.000
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	24.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	-
Bà Phạm Thị Kiều Trang (*)	Thành viên Ban Kiểm soát	-	24.000.000
TỔNG CỘNG		<u>3.538.015.000</u>	<u>3.113.856.000</u>

(*) Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2022.

28. CÁC CAM KẾT

Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê sau:

- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga T1 và T2 – Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài với Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài – Chi nhánh Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam sẽ kết thúc từ tháng 3 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024;
- ▶ Hợp đồng cho thuê mặt bằng, nhượng quyền kinh doanh và cung cấp dịch vụ tại Nhà ga Vân Đồn – Cảng Hàng không Quốc tế Vân Đồn với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vân Đồn – Chi nhánh Cảng Hàng không Quốc tế Vân Đồn sẽ kết thúc từ tháng 12 năm 2024 đến tháng 9 năm 2025; và
- ▶ Một số hợp đồng thuê hoạt động khác.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	14.529.197.600	18.704.208.878
Từ 1 - 5 năm	11.724.521.812	2.650.824.000
TỔNG CỘNG	<u>26.253.719.412</u>	<u>21.355.032.878</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 3 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án mua thêm 2.997.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco Đà Nẵng trong đợt phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của công ty con này. Việc mua thêm này dự kiến không làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết trong công ty con này. Tính đến ngày phát hành báo cáo, việc tăng vốn này vẫn chưa được thực hiện.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

 _____ Trần Văn Hưng Người lập	 _____ Đào Ngọc Thiết Kế toán trưởng	 _____ Lê Anh Quốc Tổng Giám đốc
--	--	---

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

